

Số: /BGDDĐT-GDDH
V/v hướng dẫn tuyển sinh đại học,
tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các trường sĩ quan có đào tạo trình độ đại học;
- Các trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm 2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành các văn bản¹ đề thi sinh, sở giáo dục và đào tạo (trường trung học phổ thông và các đơn vị khác được phân công đối với thí sinh thuộc phạm vi phụ trách), cơ sở đào tạo (CSĐT) để triển khai thực hiện.

Để thống nhất triển khai nhiệm vụ và tiến độ, Bộ GDĐT đề nghị thí sinh, sở giáo dục và đào tạo, CSĐT thực hiện các quy định tại các văn bản nêu trên và đặc biệt lưu ý những nội dung sau.

I. Đối với thí sinh

1. Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các CSĐT trên đề án và quy chế tuyển sinh của CSĐT, thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) theo quy định của CSĐT (về tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, quy trình, thời gian dự tuyển) tại cổng thông tin tuyển sinh của CSĐT (nếu có) và bắt buộc phải nhập tất cả các nguyện vọng của thí sinh phải ĐKXT trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc tại Cổng dịch vụ công quốc gia (nội dung và thời gian thực hiện theo quy định tại điểm 7 Mục I). Thí sinh không đăng ký nguyện vọng vào những nhóm ngành, ngành, chương trình đào tạo không đủ điều kiện.

2. Khai báo, cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển vào các CSĐT.

3. Khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin (các mốc thời gian theo hướng dẫn) để hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có) tại thời điểm đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2023 (gửi kèm minh chứng đối tượng ưu tiên nếu có hướng dẫn tại Phụ lục VIII). Thông tin kê

¹ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Quy chế tuyển sinh); Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023.

khai phải trung thực và chính xác. Thông tin nơi thường trú của thí sinh ở các giai đoạn sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Theo hướng dẫn của CSĐT, thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành nộp Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo mẫu tại Phụ lục III, IV (không giới hạn số nguyện vọng) về các CSĐT trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2023.

5. Theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo, thí sinh (trừ các thí sinh đã và chưa tốt nghiệp các năm trước) sử dụng tài khoản đã được cấp để rà soát kết quả điểm học tập (học bạ) cấp THPT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (Hệ thống) và phải phản ánh lại với người có trách nhiệm nơi thí sinh học cấp THPT để cập nhật và sửa các lỗi sai (nếu có), hoàn thành 17 giờ 00 ngày 20/6/2023.

6. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp (thí sinh tự do) nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển (NVXT) từ ngày 15/6 đến ngày 20/7/2023, thí sinh:

- Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (Phụ lục V) và kê khai thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu tại điểm tiếp nhận (theo quy định và hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú) để nhận thông tin tài khoản, mật khẩu phục vụ công tác tuyển sinh.

7. Đăng ký và xử lý nguyện vọng:

a) Từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023, thí sinh có quyền đăng ký, điều chỉnh và bổ sung NVXT không giới hạn số lần:

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh trên Hệ thống;

- Việc đăng ký NVXT đối với các nhóm ngành, ngành hoặc chương trình đào tạo phải thực hiện theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Nội dung hướng dẫn đăng tải tại Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

- Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT vào các CSĐT được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất), thí sinh lựa chọn căn cứ để xét tuyển, bao gồm các thông tin: Thứ tự nguyện vọng; Mã trường, Tên trường; Mã nhóm ngành, ngành hoặc chương trình; Tên nhóm ngành, ngành hoặc chương trình; và căn cứ để xét tuyển đối với các nguyện vọng đã đăng kí phải phù hợp với yêu cầu, điều kiện của CSĐT (Kết quả thi tốt nghiệp THPT, Kết quả học tập cấp THPT, Kết quả kỳ thi độc lập, Kết quả đánh giá năng lực, Kết quả đánh giá tư duy, Kết quả khác...).

- Tất cả các NVXT của thí sinh vào CSĐT được xử lý trên Hệ thống và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm điều kiện trúng tuyển;

- Thí sinh đã hoàn thành việc dự tuyển vào CSĐT theo kế hoạch xét tuyển sớm của CSĐT, nếu đủ điều kiện trúng tuyển phải tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống để được xét tuyển theo quy định.

b) Từ ngày 31/7 đến 17 giờ 00 ngày 06/8/2023:

- Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

- Riêng thí sinh thuộc diện hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng phải phối hợp với các điểm tiếp nhận rà soát thông tin khu vực (Phụ lục VI) và đối tượng ưu tiên của thí sinh (nếu có).

Thí sinh tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn và phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình ĐKXT; thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo, nộp lệ phí xét tuyển có thể liên hệ với cán bộ tại các điểm tiếp nhận hoặc cán bộ của CSĐT trực các số điện thoại hỗ trợ công tác tuyển sinh để được hướng dẫn.

8. Xác nhận nhập học:

- Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT, từ ngày 05/7/2023 đến 17 giờ 00 ngày 15/8/2023, thí sinh có thể xác nhận nhập học trên Hệ thống (những thí sinh đã xác nhận nhập học sẽ không được đăng ký NVXT tiếp theo, trừ các trường hợp được Hiệu trưởng/Giám đốc CSĐT cho phép không nhập học). Trong trường hợp chưa xác định nhập học, thí sinh có thể tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia n--hư các thí sinh khác để các CSĐT xét tuyển, nếu trúng tuyển thí sinh sẽ xác nhận nhập học theo lịch chung.

- Trước 17 giờ 00 ngày 06/9/2023, tất cả các thí sinh trúng tuyển hoàn thành xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống.

9. Từ ngày 07/9/2023 đến tháng 12/2023, thí sinh có nhu cầu xét tuyển các đợt bổ sung của CSĐT, thực hiện theo đề án tuyển sinh được đăng tải trên trang thông tin tuyển sinh của CSĐT (nếu CSĐT xét tuyển bổ sung, thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học không được xét tuyển bổ sung, trừ các trường hợp được Hiệu trưởng/Giám đốc CSĐT cho phép không nhập học).

10. Thí sinh nộp minh chứng xét tuyển tại CSĐT (theo hướng dẫn về thời gian, địa điểm của CSĐT). Thí sinh xét tuyển có môn năng khiếu, sử dụng điểm năng khiếu của CSĐT khác để xét tuyển, phải liên hệ với CSĐT để đăng ký dự thi, dự thi, hoặc nộp điểm thi năng khiếu.

II. Đối với các sở giáo dục và đào tạo

1. Hướng dẫn thí sinh thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các nội dung tại Mục I nêu trên.

Hướng dẫn thí sinh đăng kí NVXT vào các CSĐT được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất), thí sinh lựa chọn căn cứ để xét tuyển, bao gồm các thông tin: Thứ tự nguyện vọng; Mã trường, Tên trường; Mã nhóm ngành, ngành hoặc chương trình; Tên nhóm ngành, ngành hoặc chương trình; và căn cứ để xét tuyển đối với các nguyện vọng đã đăng kí phải phù hợp với yêu cầu, điều kiện của CSĐT (Kết quả thi tốt nghiệp THPT, Kết quả học tập cấp THPT, Kết quả kỳ thi độc lập, Kết quả đánh giá năng lực, Kết quả đánh giá tư duy, Kết quả khác...).

Hoàn thành tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh tại địa phương trước ngày 30/6/2023.

2. Chỉ đạo các trường THPT là các điểm tiếp nhận sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp trong quá trình tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT để:

- Thực hiện công việc theo Kế hoạch tuyển sinh chung, kiểm tra, chỉnh sửa sai sót (nếu có, thông báo cho thí sinh biết), xác nhận thông tin khu vực ưu tiên (Phụ lục II, VI) và đối tượng ưu tiên của thí sinh từ ngày thí sinh đăng ký dự thi THPT đến 17 giờ 00 ngày 06/8/2023.

Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai kết nối thông suốt và hoàn tất việc tích hợp chức năng khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Hệ thống Quản lý Thi và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung. Các điểm tiếp nhận hồ sơ của thí sinh sẽ sử dụng chức năng này để tra cứu, khai thác thông tin này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đối chiếu, xác nhận cho thí sinh, thí sinh không phải tự đi xin xác nhận (bản giấy) như mọi năm.

Trách nhiệm của cán bộ tại điểm tiếp nhận khi xác nhận thông tin khu vực, đối tượng ưu tiên của thí sinh phải bảo đảm tính trung thực, chính xác và thực theo hướng dẫn Mục 4, 5 (Phụ lục I). Thông tin về các khoảng thời gian thường trú của thí sinh sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hoàn thành việc kiểm tra, rà soát, cập nhật và xác nhận kết quả học tập cấp THPT trên Hệ thống 17 giờ ngày 20/6/2023.

- Từ ngày 15/6 đến ngày 20/7/2023, hướng dẫn, cấp tài khoản sử dụng cho thí sinh để thí sinh ĐKXT và nhập thông tin cá nhân của thí sinh tự do chưa thực hiện việc đăng ký trên Hệ thống.

3. Chỉ đạo các trường THPT mở các phòng máy tính có nối mạng internet để thí sinh sử dụng thực hiện đăng ký NVXT. Tổ chức hỗ trợ việc đăng ký nguyện vọng cho những thí sinh không có điều kiện đăng ký trực tuyến (lưu ý chỉ hướng

dẫn, hỗ trợ thí sinh ĐKXT, tuyệt đối không giữ tài khoản, mật khẩu và không làm thay thí sinh).

4. Hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh nộp lệ phí ĐKXT trực tuyến theo điểm 7 Mục I Công văn này.

5. Thành lập Ban chỉ đạo công tác hỗ trợ tuyển sinh theo Kế hoạch tuyển sinh chung. Kinh phí thực hiện công tác tuyển sinh, chi từ lệ phí tuyển sinh thực hiện theo quy chế phối hợp giữa các sở giáo dục đào tạo với các CSĐT.

6. Hướng dẫn các thí sinh phúc khảo điểm các bài thi/môn thi, điều chỉnh NVXT (nếu có nhu cầu) ngay sau khi có kết quả phúc khảo điểm thi tốt nghiệp THPT.

7. Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 06/8/2023 cử cán bộ có kinh nghiệm về công tác tuyển sinh để trực, tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh trong công tác tuyển sinh.

III. Đối với các cơ sở đào tạo

1. Ban hành quy chế tuyển sinh của CSĐT theo quy định; mỗi CSĐT được gán 01 mã số và cấp một tài khoản (tên truy cập và mật khẩu) để sử dụng trong công tác tuyển sinh. Các CSĐT khi đăng nhập Hệ thống phải cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của CSĐT; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu, thông tin đưa lên Hệ thống.

2. Đề án tuyển sinh của CSĐT phải cung cấp đầy đủ, đúng cấu trúc, định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, trong đó lưu ý:

- Thông tin cần dễ hiểu, rõ ràng để thí sinh không nhầm lẫn giữa quy định xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh với phương án tuyển sinh riêng của CSĐT; giữa tên các CSĐT; tuyển sinh vào phân hiệu của CSĐT với CSĐT; giữa các chương trình đào tạo của CSĐT; lưu ý triển khai áp dụng quy định về điểm ưu tiên có hiệu lực từ năm 2023 cho tất cả phương thức xét tuyển theo đúng quy định của Quy chế tuyển sinh.

- Quy định rõ thí sinh phải lựa chọn căn cứ, quy trình, điều kiện nào để xét tuyển (Kết quả thi THPT, Kết quả học tập cấp THPT, Kết quả kỳ thi độc lập, Kết quả đánh giá năng lực, Kết quả đánh giá tư duy, Kết quả khác...) phù hợp với nguyện vọng đã đăng kí.

- Các CSĐT sẽ nhận được đầy đủ thông tin ưu tiên của thí sinh sau khi thí sinh ĐKXT trên Hệ thống. Các CSĐT tổ chức xét tuyển sớm mà không sử dụng dữ liệu trên Hệ thống chung phải tự chịu trách nhiệm về thông tin để xét đối tượng, khu vực ưu tiên, nhưng nhất định không được đặt ra những yêu cầu gây phiền hà cho thí sinh và trái với quy định của Chính phủ về bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, giấy xác nhận thông tin về cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu ngành trên hệ thống HEMIS (trước mắt phục vụ công tác xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023), công bố công khai minh bạch điều kiện bảo đảm chất lượng trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, các điều kiện sơ tuyển, điều kiện xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng, chính sách ưu tiên của CSĐT gắn với yêu cầu của ngành đào tạo.

- Các CSĐT phải có biện pháp kiểm soát các điều kiện sơ tuyển, điều kiện phụ trong tuyển sinh, không để xảy ra tình trạng thí sinh đã trúng tuyển nhưng bị loại khi nhập học do: không đủ điều kiện sơ tuyển, điều kiện phụ, điều kiện sức khỏe, không đảm bảo yêu cầu về lý lịch để học tập; chịu trách nhiệm chủ động giải quyết và phối hợp với các CSĐT liên quan để giải quyết các trường hợp ngoại lệ, trường hợp rủi ro cho thí sinh, và cam kết trách nhiệm của CSĐT; không thông báo thí sinh trúng tuyển chính thức dưới mọi hình thức khi thí sinh chưa tốt nghiệp THPT.

3. Các CSĐT phải đảm bảo tuyệt đối chính xác, thống nhất các thông tin tuyển sinh khai báo trong Hệ thống với các thông tin trong đề án tuyển sinh (như mã CSĐT, mã nhóm ngành, ngành hoặc chương trình, mã phương thức xét tuyển², mã tổ hợp xét tuyển, và chỉ tiêu xét tuyển, tiêu chí phụ,...) và trong các thông báo tuyển sinh. Lưu ý: CSĐT sẽ phải xét tuyển tất cả các phương thức xét tuyển đã công bố công khai cho thí sinh đã ĐKXT vào CSĐT (nếu thí sinh đủ điều kiện). Việc để sai sót trong khâu này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của thí sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển sinh của Hệ thống. CSĐT chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của đề án tuyển sinh với Bộ GDĐT, cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh, các điều kiện bảo đảm chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của các nội dung trong đề án. Đề án tuyển sinh của CSĐT phải đăng trên trang thông tin điện tử của CSĐT (tại trang chủ), đồng thời phải gửi về Bộ GDĐT ngay sau khi đăng để phục vụ công tác hậu kiểm.

4. Trong đợt 1, các CSĐT có thủ tục sơ tuyển, kết quả kỳ thi độc lập, bổ trợ, đánh giá năng lực, chứng chỉ ngoại ngữ... (nếu có) hoặc các hình thức khác để kết hợp với việc sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 28/7/2023.

5. Các CSĐT sử dụng đồng thời nhiều phương thức xét tuyển cho một ngành hoặc nhóm ngành (sau đây gọi chung là ngành) phải xác định và công bố công khai chỉ tiêu, mức điểm, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển cho từng phương thức xét tuyển.

² CSĐT có thể tự quy định mã phương thức xét tuyển và thông báo cho thí sinh biết, tuy nhiên cần phải tham chiếu đến danh mục mã các phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định (Phụ lục I).

Chủ động phân tích, thống kê kết quả của các phương thức xét tuyển; phân tích, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo các phương thức xét tuyển. Với những ngành sử dụng đồng thời nhiều phương thức xét tuyển, nhiều tổ hợp môn thi, các CSĐT cần rà soát đảm bảo công bằng, hiệu quả và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội, đảm bảo sự công bằng cho thí sinh; loại bỏ các phương thức xét tuyển không đảm bảo công bằng, hiệu quả. Trong trường hợp các phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển của cùng một ngành có số lượng chỉ tiêu riêng thì CSĐT phải giải trình được căn cứ phù hợp cho việc phân bổ chỉ tiêu cho từng phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển.

Đối với các CSĐT có ngành đào tạo giáo viên phải rà soát và cập nhật Hệ thống chính xác số lượng chỉ tiêu đào tạo giáo viên được Bộ GDĐT thông báo.

6. Các CSĐT điều chỉnh và công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT và cập nhật vào Hệ thống mức điểm nhận hồ sơ đăng ký NVXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh.

7. Đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, CSĐT sử dụng kết quả điểm thi THPT để xét tuyển phải cập nhật ngưỡng đầu vào trước 17 giờ 00 ngày 26/7/2023.

8. Các CSĐT phải bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh của CSĐT và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh.

9. Tạo điều kiện hỗ trợ thí sinh được sử dụng các phòng máy tính nối mạng internet của CSĐT để thực hiện việc đăng ký NVXT (nếu thí sinh có nhu cầu).

10. Mức điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng) để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh.

Trước khi xét tuyển CSĐT quy về thang điểm 30 (bao gồm tất cả các điểm xét) và xác định mức điểm ưu tiên để xét. Trường hợp xét tuyển theo thang điểm khác thang điểm 30 CSĐT phải xác định mức điểm ưu tiên tương ứng như thang điểm 30 theo quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh. CSĐT quy định các tiêu chí phụ đối với thí sinh có năng lực vượt trội (nếu có) phải đảm bảo điểm trúng tuyển không lớn hơn 30 điểm bao gồm cả điểm ưu tiên, điểm thưởng (nếu có).

11. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy chế tuyển sinh và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức xét tuyển sớm lên Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 8/7/2023;

- Chỉ xét tuyển sớm với các phương thức không sử dụng kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (trong trường hợp phương thức xét tuyển có sử dụng điểm

thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thì phải thực hiện xét tuyển theo kế hoạch chung);

- Phải có phương án để không tuyển vượt số lượng chỉ tiêu đã dự kiến, chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT thông báo;

- Thông báo cho thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) để thí sinh có đủ thông tin và chủ động trong việc đăng ký NVXT trên Hệ thống;

- Không được yêu cầu hoặc thỏa thuận với thí sinh việc cam kết, xác nhận nhập học sớm dưới bất kỳ hình thức nào (nộp kinh phí giữ chỗ, thu giữ các hồ sơ...);

- Tất cả các thí sinh trúng tuyển sớm phải được CSĐT thông báo kết quả xét tuyển và đưa lên Hệ thống để thí sinh chủ động lựa chọn thứ tự nguyện vọng ĐKXT.

CSĐT phải thông báo rõ thời điểm nhận hồ sơ xét tuyển và tổ chức xét tuyển theo phương thức xét tuyển sớm, bảo đảm đồng bộ giữa việc thí sinh nộp hồ sơ về CSĐT và đăng ký NVXT trên Hệ thống.

12. Từ ngày 12/8/2023 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2023, CSĐT phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát dữ liệu trên Hệ thống trước khi tải dữ liệu, thông tin xét tuyển.

13. Từ ngày 12/8/2023 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2023 theo các mốc thời gian (Phụ lục VII), CSĐT tải dữ liệu, thông tin xét tuyển trên Hệ thống, tổ chức xét tuyển nguyện vọng của thí sinh đã đăng ký vào CSĐT tương ứng dữ liệu thí sinh cung cấp phục vụ xét tuyển vào nhóm ngành, ngành hoặc chương trình đào tạo, xử lý NVXT trên Hệ thống để xác định nguyện vọng cao nhất trong số NVXT mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

14. CSĐT phải quy định tất cả các thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống, trước khi nhập học tại CSĐT.

Đối với thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng (Điều 8 của Quy chế tuyển sinh), CSĐT hướng dẫn thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trong thời gian quy định (nếu thí sinh có nguyện vọng).

15. Trên cơ sở số thí sinh xác nhận nhập học, CSĐT tổ chức xét tuyển các đợt tiếp theo (nếu có) và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định.

16. Các CSĐT, nhóm CSĐT lưu ý bảo mật thông tin trong suốt quá trình xét tuyển, xử lý nguyện vọng; lưu ý chuẩn bị cấu hình máy tính đủ mạnh để phục vụ công tác xét tuyển, xử lý nguyện vọng (đặc biệt các trường có số lượng thí sinh ĐKXT lớn).

17. Các CSĐT công bố điểm trúng tuyển phải kèm theo việc công bố thang điểm xét tuyển và công bố thông tin tiêu chí phụ (nếu có). Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển, nhập học các đợt, phương thức xét tuyển, các hình thức đào tạo theo đúng cấu trúc dữ liệu, đúng quy định trong các danh mục về tuyển sinh (trường THPT, xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn...) và đúng thời gian quy định.

18. Đối với phương thức xét tuyển thẳng, CSĐT quy định cụ thể các ngành học phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải;

19. Trước 31/12/2023 các CSĐT phải báo chính xác, đầy đủ kết quả tuyển sinh trong năm 2023 trên Hệ thống theo đúng cấu trúc, định dạng dữ liệu và tài liệu hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học) theo các số điện thoại: 024.32181385; 024.32181386; 024.32293009; 024.38692392; Email: hotroxettuyencdspvadh@moet.gov.vn để được giải đáp và hướng dẫn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện theo hướng dẫn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/d);
- Công TTĐT của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Minh Sơn

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN PHỤC VỤ VIỆC ĐĂNG KÍ XÉT TUYỂN

(Kèm theo Công văn số: *1919*/BGDDT-GDDH ngày *28* / *4* /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các thông tin thí sinh cần lưu ý

Thí sinh xét tuyển sớm tại cơ sở đào tạo, vẫn phải đăng ký xét tuyển trên Hệ thống: Thí sinh chọn thứ tự cho nguyện vọng đã được các CSĐT xét tuyển sớm (kết quả xét tuyển sớm được các CSĐT đưa lên Hệ thống để hỗ trợ thí sinh lựa chọn).

Lưu ý: Thí sinh xét tuyển sớm phải cung cấp các minh chứng (điểm xét tuyển, minh chứng về đối tượng ưu tiên) cho cơ sở đào tạo (nếu cơ sở đào tạo yêu cầu) để làm căn cứ xét tuyển. Cơ sở đào tạo không được yêu cầu thí sinh cung cấp văn bản xác nhận về nơi thường trú.

Đối với thí sinh xét tuyển thẳng (xét tuyển theo Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành), nếu đã xác nhận nhập học trên Hệ thống sẽ không được đăng ký xét tuyển tiếp.

Trong thời gian thí sinh đăng ký xét tuyển, thí sinh chọn cung cấp dữ liệu trên Hệ thống để xét tuyển: Điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập bậc THPT, kết quả thi đánh giá năng lực, tư duy (nếu có).

2. Quy trình khai báo và xác nhận để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng theo nơi thường trú.

Để thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú, thí sinh và điểm tiếp nhận cần thực hiện các bước sau đây:

Trách nhiệm của thí sinh: Đăng nhập vào phần mềm tại địa chỉ: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp, thực hiện như sau:

Trong mục 5: Nơi thường trú

Mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận và mã xã/phường chỉ đối với các xã/phường thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GDĐT quy định¹. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có nơi thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

i) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: "*Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1*".

¹ Trong Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn

ii) Thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn) trong thời gian học THPT hoặc trung cấp thì tích vào ô: "Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn".

iii) Thí sinh đáp ứng cả 2 điều kiện tại mục i) và ii) thì tích cả vào 2 ô.

- Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến nơi thường trú, phải khai thời gian có nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 (xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn) hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp, ví dụ khai báo như sau: 28 tháng, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/05/2023.

3. Danh mục phương thức xét tuyển (do Bộ GDĐT quy định)

TT	Mã	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	301	Tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
4	302	Kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức khác
5	303	Tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT
6	401	Thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do CSĐT tự tổ chức để xét tuyển
7	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển
8	403	Thi văn hóa do CSĐT tổ chức để xét tuyển
9	404	Sử dụng kết quả thi văn hóa do CSĐT khác tổ chức để xét tuyển
10	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
11	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
12	407	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển
13	408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
14	409	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
15	410	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
16	411	Thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
17	412	Qua phỏng vấn
18	413	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
19	414	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
20	500	Sử dụng phương thức khác

Lưu ý đối với cơ sở đào tạo:

- Với mỗi mã xét tuyển (ngành/nhóm ngành), CSĐT phải cung cấp các thông tin về những phương thức xét tuyển mà CSĐT sử dụng để xét tuyển. CSĐT sẽ phải xét

tuyển tất cả các phương thức xét tuyển cho thí sinh (nếu thí sinh có đăng ký xét tuyển và đủ điều kiện xét tuyển)

- Mã phương thức xét tuyển: Mã phương thức xét tuyển gồm 3 ký tự do CSĐT tự định nghĩa nhưng phải tham chiếu với mã phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định (trong trang Nghiệp vụ), hoặc có thể sử dụng mã phương thức xét tuyển do Bộ GDĐT quy định tại Danh mục phương thức xét tuyển .

- Mã tổ hợp xét tuyển:

+ Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT (có sử dụng mã tổ hợp như xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT) sử dụng Mã tổ hợp xét tuyển do Bộ GDĐT quy định; đối với các tổ hợp có môn năng khiếu, các môn năng khiếu NK1, NK2 là do CSĐT quy định.

+ Đối với các phương thức xét tuyển khác: Mã tổ hợp gồm 3 ký tự do CSĐT tự quy định.

4. Trách nhiệm của điểm tiếp nhận

Căn cứ vào:

i) Thông tin thí sinh khai báo tại mục 5 về nơi thường trú:

- Mã xã khó khăn hoặc xã đặc biệt khó khăn;

- Nơi thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc, và Nơi thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn;

- Thời gian (tối thiểu trên 18 tháng) và khoảng thời gian thí sinh thường trú trên 18 tháng tại các xã khó khăn hoặc các xã đặc biệt khó khăn (trong thời gian có hiệu lực của các văn bản).

ii) Thông tin khai thác dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) về thời gian thường trú của thí sinh.

Để thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác nhận về diện ưu tiên theo nơi thường trú cho thí sinh, Điểm tiếp nhận hồ sơ/CSĐT có thể tra cứu thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGvDC) thông qua tiện ích được cung cấp trên Hệ thống Quản lý thi. Cụ thể như sau:

- Điểm tiếp nhận hồ sơ/CSĐT phân công kiểm tra, xác minh về diện khu vực ưu tiên của thí sinh (gọi tắt là người sử dụng) mở hồ sơ của thí sinh cần kiểm tra trên Hệ thống Quản lý thi. Việc khai thác xác thực dữ liệu từ CSDLQGvDC tương đương với việc kiểm tra trực tiếp văn bản xác nhận bằng giấy như các năm trước.

- Điểm tiếp nhận cần xác nhận kết quả kiểm tra cho thí sinh sau khi đã tra cứu, đối chiếu thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC (thể hiện dưới dạng Phiếu khai thác thông tin về cư trú). Hệ thống cho phép người sử dụng có thể tải phiếu về lưu dưới dạng file PDF và in phiếu để lưu hồ sơ.

- Trường hợp phát hiện có sai sót về thông tin lịch sử thường trú được cung cấp bởi CSDLQGvDC hoặc thông tin cung cấp chưa đủ để xác nhận, Điểm tiếp nhận liên hệ công an địa phương để được hỗ trợ giải quyết.

- Người dùng thuộc CSĐT, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh, đồng thời được quyền tra cứu thông tin công dân từ CSDLQGvDC để kiểm tra lại.

5. Để thí sinh được hưởng ưu tiên đối tượng, thí sinh và điểm tiếp nhận cần thực hiện các bước sau đây:

i) Với đối tượng 01, thí sinh và điểm tiếp nhận cần thực hiện các bước như mục II.1 đồng thời:

- Thí sinh phải tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục VIII: "*Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non*".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

ii) Với các đối tượng từ 02-07

- Thí sinh tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục VIII: "*Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non*".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

- Người dùng thuộc CSĐT, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh.

Trường hợp thí sinh phát hiện sai sót về khu vực ưu tiên hoặc, và đối tượng ưu tiên không trong thời gian quy định; nếu có căn cứ, điểm tiếp nhận rà soát, cập nhật minh chứng và xác nhận lại cho thí sinh.

PHỤ LỤC II

CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

(Kèm theo Công văn số: **1919** /BGDDT-GDDH ngày **28/4** /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các văn bản quy định về khu vực ưu tiên

- Theo Quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020: "Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo khi được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì được tiếp tục hỗ trợ đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đến hết năm; từ năm tiếp theo các xã này không còn trong danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TT ngày 25/01/2017". Các xã trên sẽ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực đến hết năm ban hành quyết định phê duyệt (trừ trường hợp được hưởng ưu tiên tại các văn bản khác).

- Đối với các đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thì chế độ ưu tiên khu vực được thực hiện như hướng dẫn tại Mục 2 Công văn số 389/UBND-TCSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

- Đối các xã an toàn khu:

+ Xã an toàn khu không vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì không được hưởng chế độ chính sách về ưu tiên khu vực;

+ Các xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 nhưng có quyết định ra khỏi diện đầu tư Chương trình 135 thì không được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt;

+ Các xã an toàn khu khi có quyết định vào diện đầu tư của Chương trình 135 thì được hưởng chính sách ưu tiên về khu vực kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các cơ sở giáo dục THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các cơ sở giáo dục THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, cơ sở giáo dục sẽ được gán một mã cơ sở giáo dục khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại cơ sở giáo dục THPT chọn và điền đúng mã cơ sở giáo dục theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 trường chuyển đến địa bàn Xã

Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vây Trường này sẽ được gán 2 mã khác nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Thí sinh khai báo trên Hệ thống thời gian thường trú trên 18 tháng ở khu vực 1 hoặc, và thường trú trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT hoặc trung cấp (Danh mục các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn do Bộ GDĐT quy định).

- Tải các minh chứng để được hưởng ưu tiên theo quy định tại Phụ lục VIII lên Hệ thống.

- Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các CSĐT đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

- Các điểm tiếp nhận xác thực khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên cho thí sinh trên Hệ thống.

- Các CSĐT tải các minh chứng về ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trên Hệ thống để kiểm tra, rà soát và lưu trữ theo quy định.

4. Xác định mức điểm ưu tiên

- Các quy định “điểm xét tốt nghiệp” trong quy chế được hiểu là một điều kiện (ngưỡng đảm bảo chất lượng) để thí sinh đăng ký tuyển sinh vào các CSĐT đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, CSĐT không được sử dụng để làm căn cứ xét tuyển trực tiếp (Quy chế thi tốt nghiệp THPT quy định “điểm xét tốt nghiệp” đã bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, mức ưu tiên không giống với mức ưu tiên trong Quy chế tuyển sinh). Để tránh việc thí sinh cộng điểm ưu tiên 2 lần, nếu CSĐT sử dụng “điểm xét tốt nghiệp” để xét tuyển, thì phải trừ đi điểm ưu tiên đã được cộng vào trong “điểm xét tốt nghiệp” sau đó mới cộng thêm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh để xét tuyển.

PHỤ LỤC III**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số: **1919** /BGDDĐT-GDDH ngày **28** / **4** /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2023**

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
khoản 1, 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1; nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT

7. Năm đoạt giải:.....

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

*Môn đoạt giải**Loại giải, loại huy chương*

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm môn:

10. Đăng ký xét tuyển thăng hoặc ưu tiên xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:

(thí sinh có thể chọn (ghi rõ) phương thức XTT, UTXT hoặc cả 2 phương thức vào các dòng
trương ứng tại các cột Xét tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển)

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Xét tuyển thăng	Ưu tiên xét tuyển
1					
2					
3					
4					
5					
...					
...					

12. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường THPT
.....đã khai đúng sự
thật.

Ngày tháng năm 2023

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 202 3

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2023**
(Kèm theo Công văn số: *1219* /BGDDĐT-GDDH ngày *28/4* /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2023**
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thặng theo quy định tại
điểm b, c, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

--	--	--	--	--	--

ngày

tháng

năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thặng vào CSĐT/ngành học:

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 Trường THPT.....
đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2023

Chữ ký của thí sinh

PHỤ LỤC V

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN

SỐ GDĐT.....MÃ SỞ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố phiếu: PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN
CHO ĐỐI TƯỢNG THÍ SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP THPT, TRUNG CẤP

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới tính (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

Ngày Tháng Năm

3. a) Nơi sinh (tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố):.....

b) Dân tộc (Ghi bằng chữ):.....

c) Quốc tịch nước ngoài

4. CMND/CCCD (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Nơi thường trú:

Mã tỉnh/thành phố Mã huyện (quận) Mã xã (phường)

Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện (quận), xã (phường) vào đồng trống sau:.....

Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:

Số tháng thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 hoặc thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn

từ ngàytháng.....nămđến.....ngày.....tháng.....năm.....

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

Tên lớp 12:.....

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại Email:

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKĐT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 2023

Chữ ký của thí sinh

Ảnh
4x6Xác nhận người khai Phiếu này đang thường trú ở
xã, phường.....
huyện.....
tỉnh.....

Ngày tháng năm 2023

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Công văn số: **1919**/BGDDĐT-GDDH ngày **28/4** /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC;
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2023**

1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 (theo Phụ lục I) của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm: "Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ." (Khoản 1, Điều 7 (theo Phụ lục I của Quy chế)) và "...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ" (Điểm c, khoản 1, Điều 7)

3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

3.1. Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:

1. Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3. Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND.

5. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBND-CSĐT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

8. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025.

9. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

3.2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định

3. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

4. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của

Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

13. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

3.3. Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:

1. Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4. Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6. Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7. Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8. Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9. Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2021.

10. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11. Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13. Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

16. Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Kiên Giang.

17. Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Sóc Trăng.

18. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK, vùng ATK trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị các sở GDĐT báo cáo về Vụ GDĐH để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

PHỤ LỤC VII**TỔ CHỨC XÉT TUYỂN, XỬ LÝ NVXT TRÊN HỆ THỐNG**

(Kèm theo Công văn số: 1919/BGDDĐT-GDDH ngày 28 /2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Các mốc thời gian	Nội dung	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện
1	Từ 7 giờ ngày 12/8/2023 đến 17 giờ 00 ngày 13/8/2023	Rà soát CSDL trên Hệ thống	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
2	Từ 7 giờ ngày 14/8 đến 17 giờ ngày 14/8	Tải CSDL trên Hệ thống và tổ chức xét tuyển	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
3	Từ 7 giờ đến 11 giờ ngày 15/8	Tải kết quả xét tuyển lần 1 của CSĐT lên Hệ thống (kết quả xét tuyển của tất cả các phương thức tuyển sinh của CSĐT)	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
4	14 giờ ngày 15/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 1	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
5	14 giờ Ngày 15/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 1	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
6	Từ 7 giờ đến 11 giờ Ngày 16/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 2	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
7	14 giờ ngày 16/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 2	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
8	14 giờ ngày 16/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 2	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
9	Từ 7 giờ đến 11 giờ ngày 17/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 3	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
10	14 giờ ngày 17/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 3	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
11	14 giờ ngày 17/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 3	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL
12	Từ 7 giờ đến 11 giờ ngày 18/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 4	CSĐT	Vụ GDDH, Cục CNTT, Cục QLCL

13	14 giờ Ngày 18/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 4	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
14	14 giờ Ngày 18/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 4	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL
15	Từ 7 giờ đến 11 giờ ngày 19/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 5	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL
16	14 giờ ngày 19/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 5	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
17	14 giờ ngày 19/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 5	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL
18	Từ 7 giờ đến 11 giờ ngày 20/8	Tải lên Hệ thống kết quả xét tuyển lần 6	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL
19	14 giờ Ngày 20/8	Trả kết quả xử lý nguyện vọng lần 6	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL	CSĐT
20	14 giờ ngày 20/8	Tải về kết quả xử lý nguyện vọng lần 6	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL
21	Trước 17 giờ ngày 20/8/2023	Các CSĐT nhập mức điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển lên hệ thống. Rà soát và chuẩn bị công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 theo lịch chung	CSĐT	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL

PHỤ LỤC VIII

CÁC MINH CHỨNG ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU TIÊN KHU VỰC, ƯU TIÊN ĐỐI TƯỢNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON²

(Kèm theo Công văn số 1219/BGDĐT-GDDH ngày 28/4 /2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống => Hệ thống tự tính
I.2	Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. (Điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hiện hành).	- Thí sinh khai báo trên Hệ thống thời gian thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú	- Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có

² Các minh chứng khác nếu đúng với quy định của pháp luật

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.	thẩm quyền, và - Khai báo trên Hệ thống thời gian thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1
II.2	Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	- Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc, và Bảng khen hoặc Quyết định công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
II.3	<p>Đối tượng 03:</p> <p>a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;</p> <p>b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;</p> <p>c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;</p> <p>d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.</p>	<p>a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh.</p> <p>b), c) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận.</p> <p>d) Quyết định xuất ngũ.</p>
II.4	<p>Đối tượng 04:</p> <p>a) Thân nhân liệt sĩ;</p>	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bảng “Tổ quốc ghi công”; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động -

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	<p>b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;</p> <p>d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;</p> <p>đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.</p>	<p>Thương binh và Xã hội (nếu có).</p> <p>b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp.</p> <p>c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.</p> <p>d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.</p> <p>đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.</p>
II.5	<p>Đối tượng 05:</p> <p>a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</p> <p>b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;</p>	<p>a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học.</p> <p>b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận.</p>

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	<p>c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.</p>	<p>c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.</p>
II.6	<p>Đối tượng 06:</p> <p>a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</p> <p>b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p>	<p>a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền.</p> <p>b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.</p> <p>c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.</p>
II.7	<p>Đối tượng 07:</p> <p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động</p>	<p>a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp.</p>

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	<p>- Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</p> <p>d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>	<p>b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo).</p> <p>c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.</p> <p>d) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.</p>

